

PHỤ LỤC I
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở THUỘC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
I	PHƯỜNG TÂN PHÚ			
1	Quốc lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,02
		Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	1,02
		Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới phường Tiến Thành	1,02
2	Đường Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
		Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trương Công Định	1,02
		Đường Trương Công Định	Đường Cách Mạng Tháng 8	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng 8	Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su	1,02
		Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su	Ranh giới huyện Đồng Phú	1,02
3	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Trần Phú	1,25
		Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,10
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Bình	1,10
		Đường Nguyễn Bình	Ranh phường Tiến Thành	1,40
4	Đường Lê Duẩn	Quốc lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	1,25
5	Đường 6 tháng 1	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	1,25
6	Đường Nguyễn Văn Cừ	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
7	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
8	Đường Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
		Đường Phạm Đình Hổ	Đường Hồ Xuân Hương	1,02
9	Đường Nguyễn Chí Thanh	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,35
		Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường	1,02
10	Đường Nguyễn Chánh	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
11	Đường Nguyễn Bình	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
12	Đường Lê Hồng Phong	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
13	Đường Trường Chinh	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
		Đường Trần Hưng Đạo	Đập Suối Cam	1,02
14	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
15	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Hồng Phong	1,02
16	Đường Trần Văn Trà	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
17	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
18	Đường Hoàng Văn Thái	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Bình	1,02
19	Đường Nguyễn Thị Định	Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Bình	1,02
20	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Bình	1,02
21	Đường Ngô Gia Tự	Đường 6 tháng 1	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
22	Đường Hà Huy Tập	Đường 6 tháng 1	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Đình Hổ	1,02
23	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Trần Phú	1,02
		Đường Trần Phú	Ngã 3 đường Lê Duẩn - Đường Lý Thường Kiệt	1,22
		Ngã 3 đường Lê Duẩn - Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hàm Nghi	1,02
		Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	1,10
24	Đường Trần Phú	Quốc lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
25	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Chánh	Đường Nguyễn Bình	1,02
26	Đường Trần Cao Vân	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
27	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
		Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
28	Đường Hai Bà Trưng	Quốc lộ 14	Đường Trương Công Định	1,02
		Đường Trương Công Định	Đường Bùi Thị Xuân	1,02
29	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Trường Chinh	Đường Hàm Nghi	1,22
		Đường Hàm Nghi	Đường Lê Trọng Tấn	1,02
		Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cánh	1,30
		Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường N16 KDC Bắc Đồng Phú	1,20
30	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hồ Xuân Hương	1,02
31	Đường Nguyễn Gia Thiều	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Hồ Xuân Hương	1,02
32	Đường Nguyễn Xí	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	1,02
33	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Bình Khiêm	1,22
		Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Trường Chinh	1,02
34	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Triệu Quang Phục	1,22
35	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	1,02
36	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	1,02
37	Đường Phạm Phú Thứ	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	1,02
38	Đường Triệu Quang Phục	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Xí	1,02
39	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Quang Diệu	1,35
		Đường Trần Quang Diệu	Đường Trường Chinh	1,05
40	Đường Phan Văn Đạt	Đường Trần Quang Diệu	Đường Lê Duẩn	1,05
41	Đường Phạm Đình Hổ	Đường Trần Quang Diệu	Đường Lê Duẩn	1,05
42	Đường Dương Bá Trạc	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường 26 tháng 12	1,05
43	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ	Toàn tuyến		1,12
44	Đường 26 tháng 12	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	1,02
45	Đường 9 tháng 6	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Dương Bá Trạc	1,02
46	Đường Nguyễn Hữu Huân	Đường 9 tháng 6	Đường số 4	1,02
47	Đường Hồ Huân Nghiệp	Đường 26 tháng 12	Đường 9 tháng 6	1,02
48	Đường Mạc Đình Chi	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường 9 tháng 6	1,02
49	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Vũ Như Tô	1,02
50	Đường Đặng Thai Mai	Đường Trương Công Định	Đường Phan Huy Ích	1,10
51	Đường Trương Công Định	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	1,05
		Đường Đặng Thai Mai	Đường Lê Trọng Tấn	1,02
52	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Hồ Xuân Hương	1,02
53	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	1,02
		Đường Đặng Thai Mai	Đường Lê Trọng Tấn	1,02
54	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Trương Công Định	1,37
55	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Lê Lợi	1,02
56	Đường Vũ Như Tô	Đường Bùi Thị Xuân	Cuối đường	1,05
57	Đường Lương Văn Can	Đường Bùi Thị Xuân	Đường 26 tháng 12	1,05
58	Đường Tăng Bạt Hổ	Đường Chu Văn An	Đường Lương Văn Can	1,05
59	Đường Hồ Hảo Hớn	Đường Chu Văn An	Đường Đặng Thai Mai	1,05
60	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cánh	1,05
61	Đường Lê Lợi	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cánh	1,20
		Đường Đặng Thai Mai	Đường Phạm Hùng	1,02
62	Đường Trần Nhật Duật	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cánh	1,15
63	Đường Tô Ngọc Vân	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trương Công Định	1,05
64	Đường Lê Anh Xuân	Quốc lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
65	Đường Hàn Thuyên	Đường Hai Bà Trưng nối dài	Đường Phạm Hùng	1,05
66	Đường Diên Hồng	Đường Phạm Hùng	Đường Đặng Thai Mai	1,05

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
67	Đường Chu Văn An	Đường Trương Công Định	Đường 26 tháng 12	1,05
68	Đường Phạm Hùng	Đường 26 tháng 12	Đường Lê Lợi	1,45
69	Đường Phan Huy Ích	Đường Phạm Hùng	Đường Đặng Thai Mai	1,05
70	Đường Đồng Khởi	Quốc lộ 14	Đường Bình Giả	1,30
71	Đường Bình Giả	Đường Trần Phú	Đường Đồng Khởi	1,30
72	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,35
73	Đường Phạm Hữu Trí	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,30
74	Đường Lê Quang Định	Đường Trần Phú	Đường Đặng Trần Thi	1,35
75	Đường Đặng Trần Thi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	1,30
76	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Quang Định	1,34
77	Đường Lê Quát	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Quang Định	1,34
78	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố	Toàn tuyến		1,24
79	Đường D7 KDC Bắc Đồng Phú	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường N16 KDC Bắc Đồng Phú	1,02
80	Đường N7 KDC Bắc Đồng Phú	Đường Phú Riêng Đỏ	Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành	1,02
81	Đường N13 KDC Bắc Đồng Phú	Đường D9 KDC Bắc Đồng Phú	Đường D7 KDC Bắc Đồng Phú	1,02
82	Đường D8, D9, D10 KDC Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		1,02
83	Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 KDC Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		1,02
84	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 KDC Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		1,02
85	Đường số 11, D5, D7A KDC Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		1,14
86	Đường D1, D2, D4 KDC Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		1,14
87	Các tuyến đường còn lại trong KDC Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong			1,76
88	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
89	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
II	PHƯỜNG TÂN BÌNH			
1	Quốc lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,02
		Đường Lê Duẩn	Hết ranh thửa đất Tòa Án Nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ)	1,02
		Hết ranh thửa đất Tòa Án Nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ)	Ranh giới phường Tiến Thành	1,02
2	Đường Phú Riêng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,30
		Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,45
		Đường Hùng Vương	Hết ranh đất chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước	1,02
		Giáp ranh đất chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước	Giáp ranh giới xã Tiến Hưng	1,02
3	Đường Hùng Vương	Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,44
4	Đường Võ Văn Tần	Đường Hùng Vương	Đường Nơ Trang Long	1,53
	Khu vực Chợ			
5	Đường số 1	Quốc lộ 14	Đường số 7	1,20
6	Đường số 2	Đường số 7	Đường Phú Riêng Đỏ	1,50
7	Đường số 3	Quốc lộ 14	Đường số 5	1,50
8	Đường số 4	Quốc lộ 14	Đường số 7	1,50
9	Đường số 5	Đường Điều Ông	Đường Trần Quốc Toản	1,50
10	Đường số 6	Đường số 1	Đường số 4	1,50
11	Đường số 7	Đường Điều Ông	Đường Trần Quốc Toản	1,50

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
12	Đường số 8	Đường số 2	Đường Trần Quốc Toàn	1,50
13	Đường số 9	Đường số 2	Đường Điều Ông	1,50
14	Đường Điều Ông	Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,50
15	Đường Trần Quốc Toàn	Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,50
	Trung tâm thương mại thành phố Đồng Xoài			
16	Đường Nơ Trang Long	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	1,30
17	Đường Võ Văn Tần	Đường Điều Ông	Đường Nơ Trang Long	1,50
18	Đường Phạm Ngọc Thảo	Toàn tuyến		1,50
19	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		1,30
20	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyến		1,30
21	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	Quốc lộ 14	1,30
22	Đường An Dương Vương	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	1,02
		Đường Võ Văn Tần	Quốc lộ 14	1,02
23	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Lương Bằng	1,48
24	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Công Hoan	1,48
25	Đường Nguyễn Duy	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Công Hoan	1,02
26	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Duy	1,02
27	Đường Lương Thế Vinh	Toàn tuyến		1,02
28	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Duẩn	Đường Lương Thế Vinh	1,02
29	Đường Nguyễn Thi	Toàn tuyến		1,02
30	Đường Tô Hiệu	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	1,02
31	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	1,02
32	Đường Võ Văn Tần	Đường Tôn Đức Thắng	Đường số 31	1,02
33	Đường Thành Thái	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	1,02
34	Đường Nguyễn Hoàn	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	1,02
35	Đường số 31	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	1,02
36	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Thành Thái	Đường Tôn Đức Thắng	1,02
37	Đường Mai Thúc Loan	Toàn tuyến		1,02
38	Đường Cao Văn Lầu	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	1,02
39	Đường Văn Cao	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	1,02
40	Đường Hồ Văn Huê	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	1,02
41	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
42	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
III	PHƯỜNG TIẾN THÀNH			
1	Quốc lộ 14	- Đường Phan Bội Châu - Ranh P. Tân Phú	- Công KCN Đồng Xoài II (Đường N3) - Phía Tây Trường THCS Tiến Thành	1,02
		- Công KCN Đồng Xoài II (Đường N3) - Phía Tây Trường THCS Tiến Thành	Ranh giới xã Tân Thành	1,02
2	Đường Phan Bội Châu	Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,20
3	Đường Phan Chu Trinh	Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,02
4	Đường Trần Hữu Độ	Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,02
5	Đường Phạm Ngọc Thạch	Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,20
6	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,10
7	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phan Bội Châu	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,12
		Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Số 32 (N7)	1,02
8	Đường Trần Huy Liệu	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,02
9	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,02
10	Đường Phan Văn Trị	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,02
11	Đường Bùi Viện	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,02
12	Đường Ngô Đức Kế	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,02
13	Đặng Trần Côn	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,02
14	Đường Nam Cao	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,02
15	Khu Dân Cư Thiên Phúc Lợi	Các tuyến đường trong KDC Thiên Phúc Lợi trừ các tuyến đường đã		1,20
16	Khu Dân Cư Quang Minh Tiến	Các tuyến đường trong KDC Quang Minh Tiến trừ đường Đường Tôn		1,02
17	Khu Dân Cư The Gold Mart	Các tuyến đường trong KDC The Gold Mart trừ đường Đường Tôn		1,02

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
18	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
19	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
IV	PHƯỜNG TÂN XUÂN			
1	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Lê Quý Đôn	Cổng Tầm Vông	1,45
		Cổng Tầm Vông	Đường Nguyễn Huệ	1,02
		Đường Nguyễn Huệ	Ranh giới xã Tiên Hưng	1,02
2	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ +65m)	1,02
		Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ +65m)	Đường dẫn vào Trường THCS Tân Xuân	1,02
		Đường dẫn vào Trường THCS Tân Xuân	Ngã tư Bàu Trúc	1,02
3	Đường ĐT753	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Cù Chính Lan	1,37
		Đường Cù Chính Lan	Cầu Rạt nhỏ	1,02
		Cầu Rạt nhỏ	Cầu Rạt lớn (Ranh huyện Đồng Phú)	1,02
4	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Võ Thị Sáu	1,02
5	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Võ Thị Sáu	Đường Phú Riềng Đỏ	1,02
6	Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết tuyến (toàn tuyến)	1,03
7	Đường Cù Chính Lan	Toàn tuyến		1,02
8	Đường Trần Tế Xương	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	1,02
9	Đường Nguyễn Thông	Đường Cù Chính Lan	Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân	1,02
10	Đường Nguyễn Thông	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Tế Xương	1,02
11	Đường Võ Thị Sáu	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Tế Xương	1,02
12	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ	1,02
13	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
14	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
V	PHƯỜNG TÂN ĐỒNG			
1	Quốc lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	1,02
		Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (tính từ tim đường Phú Riềng Đỏ + 65m)	Đường Nguyễn Huệ nối dài	1,02
		Đường Nguyễn Huệ nối dài	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
		Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cầu số 2 ranh giới huyện Đồng Phú	1,02
2	Đường Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
		Đường Lý Thường Kiệt	Hẻm 1308 đường Phú Riềng Đỏ	1,02
		Hẻm 1308 đường Phú Riềng Đỏ	Cổng Trường Cao đẳng Công Nghiệp Cao Su	1,02
		Cổng Trường Cao đẳng Công Nghiệp Cao Su	Hết ranh thửa đất cây xăng Quân Đội	1,02
3	Đường Nguyễn Huệ nối dài	Giáp ranh thửa đất cây xăng Quân Đội	Ranh giới huyện Đồng Phú	1,02
		Quốc lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt nối dài	1,02
4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lý Thường Kiệt nối dài	Đường Lê Lợi	1,02
5	Đường Lê Văn Sỹ	Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,02
6	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ nối dài	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
7	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Huệ nối dài	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
8	Đường Ông Ích Khiêm	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Văn Sỹ	1,02
9	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Văn Sỹ	1,02

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
9	Đường Huỳnh Khương Ninh	Đường Ông Ích Khiêm	Đường Nguyễn Khuyến	1,02
10	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lý Thái Tổ	1,02
11	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Lợi	Đường Lê Lai	1,02
12	Đường Lê Lai	Đường Nguyễn Huệ nối dài	Đường Lý Thái Tổ	2,00
13	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
14	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
VI	PHƯỜNG TÂN THIỆN			
1	Quốc lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến tính từ tìm đường Phú Riềng Đỏ +65m	1,02
		Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến tính từ tìm đường Phú Riềng Đỏ +65m	Đường Nguyễn Huệ	1,02
		Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch Đường số 2	1,02
		Hết ranh quy hoạch Đường số 2	Cầu số 2 ranh giới huyện Đồng Phú	1,02
2	Đường Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Quý Đôn	1,30
3	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tìm đường Phú Riềng Đỏ +65m)	1,02
		Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tìm đường Phú Riềng Đỏ +65m)	Đường Ngô Quyền	1,02
		Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,02
4	Đường ĐT753	Ngã tư Bàu Trúc	Ngã tư Bàu Trúc + 100m hướng về xã Tân Phước	1,37
		Ngã tư Bàu Trúc + 100m hướng về xã Tân Phước	Cầu Rạt nhỏ	1,02
		Cầu Rạt nhỏ	Cầu Rạt lớn (ranh giới huyện Đồng Phú)	1,02
5	Đường Nguyễn Huệ	Quốc lộ 14	Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ	1,02
		Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ	Đường Số 2	1,06
		Đường Số 2	Ngã tư Bàu Trúc	1,16
6	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	1,02
7	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	1,02
8	Đường Bà Triệu	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Ngô Quyền	1,02
9	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Phú Riềng Đỏ	Suối Đồng Tiền	1,02
10	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Phú Riềng Đỏ	Suối Đồng Tiền	1,02
11	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Quý Đôn	Cổng trường tiểu học	1,02
12	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	1,02
13	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường Số 2	1,02
14	Đường Số 2	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	1,02
15	Đường N3, N5	Toàn tuyến		1,02
16	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
17	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề			1,02
VII	XÃ TIẾN HƯNG			
1	ĐT 741	Giáp ranh giới phường Tân Bình, Tân Xuân	Giáp ranh giới huyện Đồng Phú	1,32
2	ĐH 507 (Đường Nông Trường)	ĐT 741	Hết ranh đất Tờ số 22, Thửa số 49	2,40
		Giáp ranh đất Tờ số 22, Thửa số 49	Hết ranh đất Nông Trường	1,69
		Giáp ranh đất Nông Trường	Đường bộ đội	1,55
		Đường bộ đội	Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	2,10

Số TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất
		Từ	Đến	
3	Đường Long An	ĐT 741	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú	1,02
4	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú	ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã)	Ngã 3 (đường Long An)	1,02
		Ngã 3 (đường Long An)	Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú	1,15
5	Đường vào Khu Công Nghiệp Đồng Xoài 3	ĐT 741	Giáp ranh đất Khu Công Nghiệp Đồng Xoài 3	1,04
		Giáp ranh đất Khu Công Nghiệp Đồng Xoài 3	Hết ranh đất Khu Công Nghiệp Đồng Xoài 3	1,02
6	Đường nhựa cấp Trường THCS Tiến Hưng	ĐT 741	Giáp khu dân cư 92 ha	1,10
		Giáp khu dân cư 92 ha	ĐH 507	1,08
7	Đường nhựa vào bãi rác	ĐT 741	Hết ranh đất nhà máy xử lý rác	1,02
8	Ngõ 493, 477	ĐT 741	Khu dân cư Tà Bể Gold	1,02
9	Ngõ 461, 445, 427, 419, 401, 393, 371	Toàn tuyến		1,12
10	Ngõ 466, 434, 364	Toàn tuyến		1,02
11	Ngõ 422	ĐT 741	Ngõ 354	1,02
12	Ngõ 354	ĐT 741	Ngõ 364	1,02
13	Ngõ 326, 292, 282, 280	Toàn tuyến		1,02
14	Ngõ 246, 212, 182, 136, 68	Toàn tuyến		1,18
15	Ngõ 226, 202, 160,	Toàn tuyến		1,15
16	Ngõ 22, 44	Toàn tuyến		1,30
17	Ngõ 2	Toàn tuyến		1,55
18	Ngõ 49, 67, 91, 113, 129, 145, 167, 187, 197, 227,	Toàn tuyến		1,10
19	Ngõ 251, 281, 301,	Toàn tuyến		1,02
20	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt			1,20
21	Các tuyến đường giao thông còn lại			1,20
22	Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando			1,18
VIII	XÃ TÂN THÀNH			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh giới xã Tân Thành - Tiến Thành	Cổng Nông trường cao su Tân Thành	2,02
		Cổng Nông trường cao su Tân Thành	Hết ranh UBND xã Tân Thành	1,69
		Giáp ranh UBND xã Tân Thành	Giáp ranh huyện Chơn Thành	2,02
2	Đường vào Trạm xá K23	Quốc lộ 14	Đường vào nhà văn hóa ấp 2	1,02
		Đường vào nhà văn hóa ấp 2	Cầu Quận 3	1,02
3	Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6	Quốc lộ 14	Hết ranh đất nhà ông Trương Tấn Việt	1,02
		Giáp ranh đất nhà ông Trương Tấn Việt	Cầu Bung Sê	1,42
4	Đường nhựa Việt Úc	Quốc lộ 14	Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7	1,02
		Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7	Cuối đường	1,02
5	Đường vào Trung tâm Khuyến Nông	Quốc lộ 14	Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao	1,02
6	Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông	Các tuyến đường trong Dân cư		1,02
7	Khu Dân Cư Tuấn Trang	Các tuyến đường trong Dân cư		1,02
8	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 01		1,02
		Đường số 02		1,02
		Đường số 3		1,02
		Đường số 4		1,02
		Đường số 6, số 7, số 8		1,02
9	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt			1,18
10	Các tuyến đường giao thông còn lại			1,18
11	Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương			1,10